

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HSST

Ngày 28/05/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Khánh Thành – Hiệu trưởng Trường THCS Phú Cường, xã Phú Thịnh, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà La Thị Tươi – Hiệu trưởng Trường mầm non Tân Linh, xã Phú Lạc, tỉnh Thái Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Việt Thuỳ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST- HS, ngày 15/5/2026 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn Hoàng T**, (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/01/2008 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: TDP Núi 2, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Chiêm (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ánh; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Bị hại: Anh **Nhâm Ngọc C**, sinh năm 1998, (vắng mặt).

Địa chỉ: **Xóm L, xã T, tỉnh Phú Thọ**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1967, (vắng mặt).

Địa chỉ: **Xóm T, phường V, tỉnh Thái Nguyên**.

- Ông **Nguyễn Đăng V**, sinh năm 1989, (có mặt).

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến: Cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2011, (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP N, phường V, tỉnh Thái Nguyên.

Người giám hộ: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1985, (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP N, phường V, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng 04 giờ 00 sáng ngày 20/12/2025, Nguyễn Văn Hoàng T, sinh ngày 16/01/2008, trú tại tổ dân phố N, phường V, tỉnh Thái Nguyên điều khiển xe mô tô BKS 20H1-088.75 (của chú Nguyễn Văn S) chở em ruột là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 06/11/2011 đi trên đường Q hướng Tuyên Quang - Thái Nguyên. Khi đến đoạn thuộc xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên thì Đ nhìn thấy xe mô tô BKS 20AE-11366, nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, màu sơn trắng đang dừng tại khu vực vỉa hè phía trước cửa hàng xăm “H xăm” không ai trông coi quản lý nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để làm phương tiện đi lại thì được T đồng ý. Sau khi bàn bạc thì cùng nhau thực hiện, T dừng xe tại lòng đường để Đ xuống xe đến dắt xe mô tô BKS 20AE-11366 đang dừng tại vỉa hè xuống đường rồi Đ ngồi lên xe, tay trái cầm lái, tay phải bám vào đuôi xe mô tô BKS 20H1-088.75 do T điều khiển để T kéo Đ di chuyển đi trên đường Quốc lộ 37 về hướng Thái Nguyên được một đoạn thì cả hai dừng lại, Đ dắt xe mô tô BKS 20AE-11366 lên vỉa hè gần đó rồi dùng tay luồn vào dưới yếm xe dưới ổ khoá để thực hiện thao tác đấu điện khởi động được xe rồi Đ điều khiển xe mô tô BKS: 20AE – 11366 vừa lấy được, còn T điều khiển xe mô tô BKS 20H1-088.75 cùng đi về nhà. Khi về đến nhà, Đ tháo biển kiểm soát của chiếc xe BKS 20AE – 11366 ra đến trưa ngày 21/12/2025, T điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp được chở Đ đi chơi thì Đ cầm chiếc biển kiểm soát 20AE-11366 vứt bỏ vào một thùng rác của một nhà dân Đ không quen biết, không nhớ vị trí cụ thể. Khi T điều khiển xe chở Đ tiếp tục đi chơi đến khu vực phường P, tỉnh Thái Nguyên thì xảy ra tai nạn đâm va với một xe ô tô đỗ tại đường. Sau đó bị Phòng C1 – Công an tỉnh T tiếp nhận, thụ lý giải quyết vụ tai nạn giao thông và tạm giữ xe mô tô nêu trên xử lý theo quy định.

Về phía anh Nhâm Ngọc C (người bị mất xe) và anh Nguyễn Đăng V (chủ xe cho anh C mượn xe): Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 26/12/2025 anh Nhâm Ngọc C đã trình báo Công an xã Đ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình xác minh xác định Đ và T là người đã trộm cắp tài sản trên, nên triệu tập các đối tượng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để điều tra làm rõ. Quá

trình điều tra **Nguyễn Thành Đ** và **Nguyễn Văn Hoàng T** đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô mang BKS 20AE-11366, nhãn hiệu Honda của anh **Nguyễn Đăng V** vào ngày 20/12/2025 như nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 05/05/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của **xã Đ** kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, màu sơn trắng mang BKS 20AE-11366 đăng ký lần đầu ngày 05/02/2025 tại thời điểm tháng 02/2026 có giá trị 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng).

Về phần dân sự: Ngày 31/12/2025, gia đình **Nguyễn Thành Đ** và **Nguyễn Văn Hoàng T** đã đến nhà anh **Nguyễn Đăng V** để giải quyết vấn đề dân sự đối với bị hại, cụ thể: gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh **V** số tiền 29.000.000 đồng. Đến nay anh **V** và anh **C** không còn yêu cầu đề nghị gì về dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho **Nguyễn Văn Hoàng T**.

Đối với **Nguyễn Thành Đ**: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm, **Đ** chưa đủ 16 tuổi nên chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 20/4/2026, Chánh Văn phòng Cơ quan CSĐT - **Công an tỉnh T** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đ** về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bằng hình thức Cảnh cáo.

Với hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSKV3 ngày 08/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Thái Nguyên truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b điểm i điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 12, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** tù 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập gì ổn định, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc đại diện gia đình bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện bồi thường với nhau xong, vì vậy không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đã hoàn trả cho bị hại, người liên quan, vì vậy không có đề nghị gì thêm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Đối với **Nguyễn Thành Đ**: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm, **Đ** chưa đủ 16 tuổi nên chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 20/4/2026, Chánh Văn phòng Cơ quan CSĐT - **Công an tỉnh T** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đ** về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bằng hình thức Cảnh cáo.

Phản tranh luận: Bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử cho mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đặc điểm tài sản bị mất, vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập được khách quan có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 04 giờ 00 sáng ngày 20/12/2025, **Nguyễn Văn Hoàng T**, chở em là **Nguyễn Thành Đ**, đi chơi đến đoạn thuộc **xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** thì **Đ** nhìn thấy xe mô tô BKS 20AE-11366, nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, màu sơn trắng là xe của anh **Nhâm Ngọc C**, đang dừng tại khu vực vỉa hè phía trước cửa hàng xăm “**H xăm**” không ai trông coi quản lý nên **Đ** và **T** đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Sau đó, **T** dừng xe tại lòng đường để **Đ** xuống dắt xe mô tô BKS 20AE-11366 đang dừng tại vỉa hè xuống đường rồi tay phải bám vào đuôi xe mô tô BKS 20H1-088.75 do **T** điều khiển để **T** kéo **Đ** di chuyển đi trên **đường Q về hướng Thái Nguyên** sau đó khởi động xe lấy đi về nhà. Đến trưa ngày 21/12/2025 khi **T** điều khiển xe trộm cắp được chở **Đ** đi chơi khi đến khu vực **phường P, tỉnh Thái Nguyên** thì xảy ra tai nạn đâm va với một xe ô tô đỗ tại đường. Sau đó, **Phòng C1 – Công an tỉnh T** đã tiếp nhận, thụ lý giải quyết vụ tai nạn giao thông và tạm giữ xe mô tô nêu trên. Tại thời điểm trộm cắp tài sản có giá trị 14.000.000 đồng

(mười bốn triệu đồng). Khi thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô nêu trên **T** đã đủ 16 tuổi và dưới 18 tuổi.

Hành vi nêu trên của bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn ở trên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự. Trong vụ án này **Đ** là người khởi xướng nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. **T** là người thực hành và giúp sức. Vì vậy cần có mức án phù hợp tương xứng với hành vi, vai trò của bị cáo trong vụ án.

[4]. Xét về nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

Bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “ Người phạm tội phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và được bị hại là anh **Nhâm Ngọc C** có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và áp dụng quy định của pháp luật về người chưa thành niên phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung trong xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại gia đình, địa phương nơi cư trú là phù hợp, cũng đủ răn đe giáo dục với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Mức hình phạt tù mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo

là phù hợp cần được chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập gì ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình **Đ** và **T** đã đến nhà anh **V**, anh **C** thống nhất bồi thường, giải quyết xong về vấn đề dân sự. Đến nay anh **V** và anh **C** không còn yêu cầu đề nghị gì thêm về dân sự, lên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Đối với **Nguyễn Thành Đ**: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm, **Đ** chưa đủ 16 tuổi nên chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 20/4/2026, Chánh Văn phòng Cơ quan CSĐT - **Công an tỉnh T** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đ** về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức Cảnh cáo là đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b điểm i điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 12, 119, 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** cho Ủy ban nhân dân phường **V**, tỉnh Thái Nguyên nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại đã bồi thường với nhau xong không yêu cầu gì thêm, vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Nguyễn Văn Hoàng T** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Đăng V**, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị hại anh **Nhâm Ngọc C** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Văn S**; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 3-TN;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Phòng THADS khu vực 3- TN;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

